

Số/No: 202315 /TB-FUEIP100

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
 ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
 BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A  
 / *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/*Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/*ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/*Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: **06/01/2023**

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**

**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>No</i>	<i>Securities code</i>	<i>Quantity</i>	<i>Weight</i>
1	VIC	500	3.89%
2	VPB	2,200	5.78%
3	TCB	1,200	4.60%
4	VHM	700	4.82%
5	FPT	500	5.58%
6	HPG	1,600	4.39%
7	ACB	1,500	4.75%
8	VNM	400	4.50%
9	MSN	300	4.14%
10	MBB	1,300	3.28%
11	MWG	500	3.02%
12	STB	1,000	3.35%
13	NVL	400	0.76%
14	SSB	800	3.73%
15	VCB	300	3.49%
16	DGC	100	0.84%
17	HDB	900	2.04%
18	EIB	500	1.91%
19	SAB	100	2.41%
20	TPB	400	1.25%
21	VRE	500	2.02%

22	SSI	500	1.34%
23	VJC	100	1.52%
24	MSB	900	1.58%
25	VIB	600	1.67%
26	PNJ	100	1.24%
27	CTG	400	1.58%
28	KBC	200	0.72%
29	DGW	100	0.55%
30	GAS	100	1.48%
31	VND	500	1.01%
32	LPB	700	1.31%
33	VHC	100	0.99%
34	REE	100	1.03%
35	KDH	200	0.77%
36	DXG	200	0.37%
37	GEX	300	0.56%
38	VPI	100	0.74%
39	KDC	100	0.89%
40	BVH	100	0.67%
41	PDR	100	0.21%
42	OCB	200	0.49%
43	DPM	100	0.62%
44	GMD	100	0.64%
45	HDG	100	0.46%
46	DIG	200	0.44%
47	PLX	100	0.50%
48	NLG	100	0.43%
49	VCI	200	0.72%
50	PC1	100	0.33%
51	BID	100	0.56%
52	DBC	100	0.22%
53	HPX	100	0.06%
54	POW	300	0.49%
55	HCM	100	0.31%
56	GVR	100	0.21%
57	PAN	100	0.22%
58	VCG	100	0.27%
59	NKG	100	0.19%
60	CII	100	0.19%
61	HBC	100	0.13%
62	PVT	100	0.30%
63	SBT	100	0.20%
64	HSG	200	0.37%

W. O.  
M  
QU  
A/B

65	PVD	100	0.26%
66	TCH	200	0.20%
67	SAM	200	0.17%
68	SCR	100	0.08%
69	ITA	300	0.18%
70	SHB	1,000	1.43%

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/**

**Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:**

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 732,216,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 744,925,480

Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 12,709,480

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

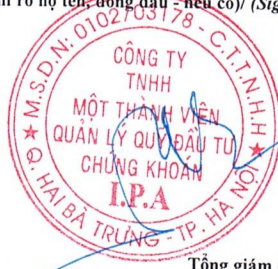
STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	22,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	40,750	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	80,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	46,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	43,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	89,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	74,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	27,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	22,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,600	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>



**Dại diện tổ chức/Organization Representative**  
**Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



**Tổng giám đốc**  
**Nguyễn Hồ Nga**

